

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUỐC TẾ AN HOÀ THỊNH VƯỢNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUỐC TẾ AN HOÀ THỊNH VƯỢNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRANQUILITY AND PROSPERITY INTERNATIONAL GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: IPP.,JSCO

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109940386

**3. Ngày thành lập:** 22/03/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà số 48, đường số 23, Lô đất TT-B Khu đô thị Thành Phố Giao Lưu, đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936259999

Fax:

Email: [quocteahtv.jsc@gmail.com](mailto:quocteahtv.jsc@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng                                                                                                     | 8559(Chính) |
| 2.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn giáo dục<br>- Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục<br>- Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục<br>- Dịch vụ kiểm tra giáo dục<br>- Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên                                                                | 8560        |
| 3.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>- Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở<br>- Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở<br>- Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở<br>- Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở | 6810        |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 4. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                               | 6820 |
| 5. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)<br>- Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác<br>- Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác | 4933 |
| 6. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới<br>- Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ                                                                                                          | 5021 |
| 7. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới<br>- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ                                                                                                                | 5022 |
| 8. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan<br>- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan)<br>- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác                                                                      | 5210 |
| 9. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>- Khách sạn<br>- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự                                                 | 5510 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Cơ sở lưu trú khác<br>Chi tiết:<br>- Ký túc xá học sinh, sinh viên<br>- Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm<br>- Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu                                                                  | 5590 |
| 11. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết:<br>- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)<br>- Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh<br>- Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác | 5610 |
| 12. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                               | 5621 |
| 13. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                   | 5629 |
| 14. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Quán rượu, bia, quầy bar<br>- Quán cà phê, giải khát<br>- Dịch vụ phục vụ đồ uống khác                                                                                                                       | 5630 |
| 15. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                      | 4101 |
| 16. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                | 4102 |
| 17. | Phá dỡ<br>(Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom mìn)                                                                                                                                                                                         | 4311 |
| 18. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết:<br>- San lấp mặt bằng<br>(Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom mìn)                                                                                                                                           | 4312 |

**6. Vốn điều lệ:** 36.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 3.600.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                 | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | VŨ THỊ<br>MỪNG    | Xóm Từa, Thôn<br>Phù Dục, Xã Phù<br>Đổng, Huyện Gia<br>Lâm, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam          | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 900.000       | 9.000.000.000            | 25,000       | 012057685                                                                                                              |            |
|     |                   |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                    | Tổng số                            | 900.000       | 9.000.000.000            | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN VĂN<br>NHIỆM | Số 44/16 Đường<br>Vạn Mỹ, Phường<br>Vạn Mỹ, Quận<br>Ngô Quyền,<br>Thành phố Hải<br>Phòng, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.800.0<br>00 | 18.000.000.000           | 50,000       | 0340650020<br>01                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                    | Tổng số                            | 1.800.0<br>00 | 18.000.000.000           | 50,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                       |                                                                                      |                           |         |               |        |              |
|---|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ MINH HƯỜNG | C7 dãy C Khu Nhà Ở Cụm 3, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 900.000 | 9.000.000.000 | 25,000 | 027162000043 |
|   |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                       |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                       |                                                                                      | Tổng số                   | 900.000 | 9.000.000.000 | 25,000 |              |
|   |                       |                                                                                      |                           |         |               |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN VĂN NHIỆM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/04/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034065002001

Ngày cấp: 09/12/2015

Nơi cấp: CỤC CẢNH SÁT ĐKQL CU TRÚ VÀ DLQG VỀ DÂN CU

Địa chỉ thường trú: 44/16 Đường Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 44/16 Đường Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội